TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 519 /2025/DS-PT
Ngày 07 - 8 - 2025
V/v tranh chấp về dân sự chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tặng.

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt.

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2025, về việc "*Tranh chấp về dân sự chia thừa kế*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2025/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp), tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 377/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 466/2025/QĐ-PT, ngày 23 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Minh T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số B, đường N, tổ B, khóm M, phường C, thành phố C, (nay là phường C), tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Minh T: Ông Nguyễn Tấn T1, sinh năm 1978. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 21/4/2025.

Địa chỉ: Số C, ấp A, xã H, huyện L, (nay là xã M), tỉnh Đồng Tháp.

Nơi làm việc: Số C, đường N, tổ B, khóm M, phường M, thành phố C, (nay là phường M), tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Bà Hồ Thị S, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Tổ B, khóm M, phường C, thành phố C, (nay là phường C), tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Hồ Thị S: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1967. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 05/12/2024.

Địa chỉ: A, tổ B, khóm M, phường C, thành phố C, (nay là phường C), tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn B, sinh năm 1963;

2. Ông Lê Minh P, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Số D, đường Đ, tổ A, ấp A, xã M, thành phố C, (nay là phường M), tỉnh Đồng Tháp.

3. Ông Lê Văn D, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số E, tổ A, ấp H, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

4. Bà Lê Ngọc Á, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện T, (nay là xã T), tỉnh Đồng Tháp.

5. Chị Lê Thị Yến N, sinh ngày 22/3/2007 (con ông Lê Phước T2 - chết tháng 7/2023);

Địa chỉ: Tổ B, khóm M, phường C, thành phố C, (nay là phường C), tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của chị N: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1967. Là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 26/3/2025.

Địa chỉ: Khóm M, phường C, thành phố C, (nay là phường C), tỉnh Đồng Tháp.

6. Văn phòng C (tên cũ: Văn phòng C1).

Đại diện là ông Huỳnh Việt T3 - Trưởng Văn phòng.

Địa chỉ: Số B, đường N, khóm M, thị trấn M, huyện C, (nay là xã M), tỉnh Đồng Tháp.

7. Bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1976;

8. Chị Lê Thị Thanh N1, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: Số B, đường N, tổ B, khóm M, phường C, thành phố C, (nay là phường C),tỉnh Đồng Tháp.

9. Ủy ban nhân dân thành phố C:

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân phường C);

Địa chỉ: đường C, phường A, thành phố C, (nay là phường C), tỉnh Đồng Tháp.

10. Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1941 (chết ngày 20/12/2023);

Địa chỉ: Số B, đường N, tổ B, khóm M, phường C, thành phố C, (nay là phường C), tỉnh Đồng Tháp.

**** Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Thị S1 gồm:***

10.1. Ông Lê Minh T, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số nhà B, đường N, tổ B, khóm M, phường C, thành phố C, (nay là phường C),tỉnh Đồng Tháp.

10.2. Ông Lê Văn B, sinh năm 1963;

10.3. Ông Lê Minh P, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: Số D, đường Đ, tổ A, ấp A, xã M, thành phố C, (nay là phường M), tỉnh Đồng Tháp.

10.4. Ông Lê Văn D, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số E, tổ A, ấp H, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

10.5. Bà Lê Ngọc Á, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện T, (nay là xã T), tỉnh Đồng Tháp.

10.6. Ông Lê Phước T2, sinh năm 1976 (đã chết);

Địa chỉ: Tổ B, khóm M, phường C, thành phố C, (nay là phường C), tỉnh Đồng Tháp.

** Người kháng cáo*: Ông Lê Minh T là nguyên đơn, bà Hồ Thị S là bị đơn.

* Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-DS ngày 18/04/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ông T1, ông T, ông H có mặt tại phiên tòa. Ông B, ông P, ông D, bà Á, đại diện Văn phòng C, bà B1, chị Thanh N1, đại diện Ủy ban nhân dân thành phố C (nay là phường C) vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn ông Lê Minh T, người đại diện hợp pháp ông Nguyễn Tấn T1 trình bày*:**

Cha mẹ của ông T là cụ Lê Văn K, sinh năm 1942 (chết năm 2011), cụ K chết không để lại di chúc; mẹ là bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1941 (hiện là

người bị mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định số 08/QĐST-VDS ngày 16/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh). Cụ K và cụ S1 có với nhau 06 người con chung gồm: Ông Lê Văn B, ông Lê Văn D, bà Lê Ngọc Á, ông Lê Minh P, ông Lê Minh T, ông Lê Phước T2.

Sinh thời, cụ K và cụ S1 có tạo lập được khối tài sản là phần đất có diện tích 115m^2 (đất ở đô thị), trên đất có căn nhà cấp 4, xây dựng năm 1987; Kết cấu: khung bê tông cốt thép, tường gạch, nền gạch, mái tol sóng vuông, thuộc thửa số 130, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại Tổ B, khóm M, Phường C, thành phố C (nhà và đất do bà Nguyễn Thị S1 đứng tên quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, cấp ngày 10/6/2013) nhưng tài sản nhà và đất trên hiện do bà Hồ Thị S (vợ ông T2 đã chết, con dâu bà S1) đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Bà S1 do ông Lê Minh T là người chăm sóc, nuôi dưỡng và là người giám hộ theo quy định pháp luật cho bà S1 theo Quyết định số 08/QĐST-VDS ngày 16/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Ngày 28/7/2011 ông T cùng bà S1 và ông T2 lập văn bản phân chia di sản thừa kế của cha ông T là ông Lê Văn K tại Văn phòng C1. Do thời điểm này ông K vừa chết và các anh chị em trong nhà chưa thỏa thuận được về vấn đề phân chia di sản nên ông T cùng bà S1 và ông T2 lập văn bản phân chia di sản thừa kế nhằm mục đích để bà S1 tạm thời đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, chứ không nhằm mục đích tặng cho phần di sản ông T được hưởng thừa kế lại cho bà S1.

Đồng thời, hàng thừa kế của ông K gồm 07 người là bà S1, ông B, ông D, bà Á, ông P, ông T2 và ông T nhưng Văn bản phân chia di sản này chỉ có ông T, bà S1, ông T2 lập và ký tên nên Văn bản này không phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, tuy UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 21/9/2011 cho bà Nguyễn Thị S1 đứng tên nhưng quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở nêu trên vẫn thuộc tài sản chung của các đồng thừa kế.

Ngày 28/7/2011, ông T cùng bà S1 và ông T2 lập Văn bản phân chia di sản thừa kế của cha ông T là ông Lê Văn K tại Văn phòng C1. Do thời điểm này ông K vừa chết và các anh chị em trong nhà chưa thỏa thuận được về vấn đề phân chia di sản nên chúng tôi lập văn bản phân chia di sản thừa kế này nhằm mục đích để bà S1 tạm thời đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

quyền sở hữu tài nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, chứ không nhằm mục đích tặng cho phần di sản ông T được hưởng thừa kế lại cho bà S1. Đồng thời, hàng thừa kế thứ nhất của ông K gồm 07 người là bà S1, ông B, ông D, bà Á, ông P, ông T2 và ông Lê Minh T, nhưng Văn bản phân chia di sản này chỉ có ông T, bà S1, ông T2 lập và ký tên nên Văn bản này không phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, việc bà S1 đi khai nhận thừa kế và được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 21/9/2011 cho bà Nguyễn Thị S1 đứng tên là không đúng quy định pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đồng thừa kế.

Đến ngày 29/9/2011 cá nhân bà S1 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông Lê Phước T2 tại Văn phòng C2. Đây là tài sản chung nhưng khi thực hiện việc tặng cho tài sản không có sự bàn bạc thống nhất của các đồng thừa kế. Hợp đồng tặng cho cũng không có chữ ký xác nhận của anh chị em trong gia đình nên theo quy định pháp luật. Do đó hợp đồng tặng cho nêu trên vô hiệu. Thêm vào đó, các anh chị em trong gia đình không thống nhất việc tặng cho nhà và đất lại cho ông T2.

Đến năm 2013, do các anh chị em trong gia đình nhiều lần phản đối việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà S1 và ông T2 vào năm 2011 nêu trên nên ông T2 làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho bà S1 để bà S1 tiếp tục tạm đại diện đứng tên trên giấy đất. Bà S1 được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10/6/2013 cho bà Nguyễn Thị S1 đứng tên.

Đến khoảng năm 2015, bà S1 do lớn tuổi nên bị mất trí nhớ, tinh thần không minh mẫn, bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự. Ông T vẫn tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc bà S1 nhưng chưa yêu cầu Tòa án tuyên bố bà S1 bị mất năng lực hành vi dân sự. Tuy nhiên, năm 2017 bà S1 lập Hợp đồng được lập ngày 02/6/2017 tại Văn phòng C1. Sau đó, ông T2 được UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 30/6/2017 cho ông Lê Phước T2 đứng tên.

Nhận thấy, hợp đồng tặng cho ngày 02/6/2017 giữa bà Nguyễn Thị S1 và ông Lê Phước T2 vô hiệu vì những lý do sau:

- Thứ nhất, thửa đất tranh chấp là tài sản chung, di sản thừa kế nhưng tôi và các anh chị em trong gia đình không biết và cũng không ký tên vào hợp đồng tặng cho này. Ngoài ra, khi ký văn bản phần chia di sản thừa kế ngày 28/7/2011 để bà S1 tạm đứng tên thì các anh chị em khác không đồng ý nên không ký tên.

- Thứ hai, tại thời điểm giao kết hợp đồng, bà S1 bị mất năng lực hành vi dân sự, không còn minh mẫn, không nhận thức được toàn bộ hành vi của mình.

- Thứ ba, thời điểm giao kết hợp đồng, bà S1 đã 76 tuổi nhưng khi ký kết hợp đồng không có giám định sức khỏe cũng như bất cứ văn bản nào khác thể hiện việc bà S1 còn đủ khả năng, sức khỏe, tinh thần để tự mình giao kết hợp đồng dân sự.

- Thứ tư, do bà S1 không biết đọc, biết viết nên tại các hợp đồng tặng cho năm 2011, năm 2013, văn bản phân chia di sản thừa kế năm 2011 và các văn bản khác, bà S1 không thể ký tên mà chỉ in dấu vân tay. Tuy nhiên, tại hợp đồng tặng cho năm 2017, thời điểm bà S1 đã lớn tuổi thì bà S1 lại không in vân tay mà lại ký tên, việc này không phù hợp với sự thật khách quan. Hiện nay, phần đất và căn nhà trên đất do bà S là vợ ông T2 đang quản lý, sử dụng.

Căn nhà trên thửa đất 130, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại Phường C, thành phố C do ông T sửa chữa, tôn tạo, xây dựng lại căn nhà với số tiền cụ thể bao nhiêu ông T không nhớ. Về giá đất và nhà ông T thống nhất theo giá tại chứng thư thẩm định giá số 362A/2024/CT-VAL ngày 21/6/2024 của Công ty cổ phần T4.

** Ông Lê Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:*

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của tổng diện tích 115,9m^2, thửa 130, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại Tổ B, khóm M, Phường C, thành phố C và giá trị còn lại của căn nhà cấp 4 trên đất. Phần bà S1 được nhận diện tích đất ½ là 57,95m^2 và ½ giá trị của căn nhà cấp 4 (tài sản chung của bà S1 với cụ K).

Đối với ½ tài sản còn lại là 57,95m^2 và ½ giá trị căn nhà cấp 4 là di sản của cụ K để lại, không có di chúc thì chia thành 07 bằng nhau, gồm bà S1, ông B, ông D, bà Á, ông P, ông T và ông T2 (Yến Nhi được hưởng phần này, do Yến N là con ông T2 đã chết), mỗi người được 1/7 tương đương 8,27m^2 và 1/7 giá trị của căn nhà cấp 4. Ông T yêu cầu nhận nhà và đất và đồng ý trả giá trị lại cho những người còn lại.

- Không yêu cầu giải quyết, không yêu cầu các đồng thừa kế phải hoàn trả lại số tiền ông T đã tôn tạo, sửa chữa, xây dựng căn nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất 130, tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại Phường C, thành phố C.

- Chia cho ông T ½ tổng khối di sản (phần bà Nguyễn Thị S1 được nhận), cụ thể là ½ diện tích đất tương đương 57,95m^2 và ½ giá trị căn nhà cấp 4. Tổng giá trị tính theo Chứng thư thẩm định giá số 362A/2024/CT-VAL ngày 21/6/2024 của Công ty cổ phần T4.

- Đối với ½ tổng số di sản còn lại yêu cầu chia đều cho các đồng thừa kế của ông Lê Văn K gồm: Nguyễn Thị S1, Lê Văn B, Lê Văn D, Lê Ngọc Á, Lê Minh P, Lê Minh T, Lê Phước T2, mỗi người được nhận 1/7 diện tích đất tương đương 8,27m^2 và 1/7 giá trị căn nhà cấp 4 tương đương. Tổng giá trị mỗi kỷ phần các đồng thừa kế được hưởng tính theo Chứng thư thẩm định giá số 362A/2024/CT-VAL ngày 21/6/2024 của Công ty cổ phần T4. Kỷ phần của bà S1 được nhận thì ông T yêu cầu được nhận do ông T là người chăm sóc, nuôi dưỡng bà S1 khi còn sống.

Do nhà và tài sản không thể chia được bằng hiện vật nên ông T yêu cầu được nhận toàn bộ hiện vật là thửa đất số 130, tờ bản đồ số 5, diện tích 115,9m^2, và căn nhà cấp 4 được xây dựng trên đất. Ông T thống nhất trả giá trị cho các đồng thừa kế còn lại.

- Hủy Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 28/7/2011 của bà Nguyễn Thị S1, ông Lê Minh T và ông Lê Phước T2.

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 29/9/2011 giữa bà Nguyễn Thị S1 và ông Lê Phước T2.

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 16/4/2013 giữa ông Lê Phước T2 và bà Nguyễn Thị S1.

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 02/6/2017 giữa bà Nguyễn Thị S1 và ông Lê Phước T2.

- Đề nghị Tòa án thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 752485, số vào sổ cấp GCN: CH01023, cấp ngày 21/9/2011 cho bà Nguyễn Thị S1 đứng tên.

- Đề nghị Tòa án thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 681065, số vào sổ cấp GCN: CH01693, cấp ngày 10/6/2013 cho bà Nguyễn Thị S1 đứng tên.

- Đề nghị Tòa án thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 212233, số vào sổ cấp GCN: CH01321, cấp ngày 30/6/2017 cho bà Nguyễn Thị S1 đứng tên.

- Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 02/6/2017 giữa bà Nguyễn Thị S1 và ông Lê Phước T2 đối với thửa đất số 130, tờ bản đồ số 05, diện tích 115,9m^2, đất ở tại đô thị, đất tọa lạc tại khóm M, Phường C, thành phố C và căn nhà cấp 4, khung bê tông cốt thép, tường gạch, nền gạch, mái tol sóng vuông được xây dựng tên đất.

- Đề nghị Tòa án thu hồi giấy chứng nhận QSD đất cấp cho ông Lê Phước T2 thửa đất số 130, tờ bản đồ số 05, diện tích 115,9m^2, đất ở tại đô thị, đất tọa lạc tại khóm M, Phường C, thành phố C, số vào sổ cấp GCN: CH01321 ngày 30/6/2017.

Đối với việc cấp giấy chứng nhận QSD đất hộ ông K năm 2002, trong hộ có ông T là con nhưng ông T xác định không yêu cầu tranh chấp chia tài sản chung hộ gia đình, do nguồn gốc đất của ông K và bà S2.

* Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu xác định diện tích đo đạc thực tế 119,4m^2, thửa đất số 130, tờ bản đồ số 05, loại đất ở đô thị, đất tọa lạc tại khóm M, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp là di sản của ông K và bà S2 để lại. Đối với ½ tài sản của ông K chết không để lại di chúc nên yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Đối với ½ tài sản của bà S2 chết không có di chúc nhưng các anh chị em trong gia đình thống nhất để ông T thừa kế phần này của bà S2. Cụ thể ông T yêu cầu như sau:

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của ông K có diện tích là 59,7m^2 (trong tổng diện tích đo đạc thực tế 119,4m^2), thửa đất số 130, tờ bản đồ số 05, loại đất ở đô thị, đất tọa lạc tại khóm M, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp chia thành 07 kỹ phần, ông T được hưởng 01 kỹ phần: 59,7m^2 : 7 = 8,528m^2 (tương đương thành tiền 299.503.360 đồng).

- Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần di sản của bà S2 gồm:

+ Diện tích là 59,7m^2, thửa đất số 130, tờ bản đồ số 05, loại đất ở đô thị, đất tọa lạc tại khóm M, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, thành tiền 59,7m^2 x 35.120.000 đồng = 2.096.664.000 đồng.

+ 01 kỹ phần bà S2 thừa kế từ ông K là 59,7m^2 : 7 = 8,528m^2 (tương đương thành tiền 299.503.360 đồng chia cho 06 kỹ phần (gồm T, V, B, P, Á,

Yến N là con của T2). Như vậy, 01 kỹ phần của bà S2 nhận là 8,528m^2 x 35.120.000 đồng 299.503.360 đồng : 06 = 49.917.226 đồng.

- Yêu cầu chia giá trị căn nhà của ông K và bà S2 có giá 143.869.250 đồng : 6 phần = 23.978.166 đồng.

Tổng cộng ông T yêu cầu được thừa kế toàn bộ phần di sản của bà S2 chết để lại là 2.096.664.000 đồng (1/2 thừa kế của bà S2 + 299.503.360 đồng (phần ông K) + 49.917.226 đồng (phần bà S2 thừa kế của ông K) + 23.978.166 đồng (nhà) = 2.470.062.752 đồng. Yêu cầu được nhận hiện vật và đồng ý trả giá trị nhà và đất lại cho các đồng thừa kế còn lại theo giá thị trường.

- Đối với các yêu cầu hủy các giao dịch từ khi bà S2 làm thủ tục thừa kế từ ông K sang bà S2 và từ bà S2 tặng cho ông T2 thì vẫn giữ nguyên yêu cầu.

- Không đồng ý với ý kiến của đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

- Thống nhất diện tích theo sơ đồ đo đạc và giá theo chứng thư thẩm định giá do công ty cổ phần T4

**** Bị đơn bà Hồ Thị S, người đại diện hợp pháp ông Nguyễn Thanh H trình bày:***

Nguồn gốc đất được xác định của vợ chồng ông K, bà S2, khi bà S2 còn khỏe mạnh đã tặng cho thửa đất trên cho ông T2.

Đối với việc cấp QSD đất năm 2002 cho hộ ông K, trong hộ có ông T2 là con nhưng bà S xác định không yêu cầu tranh chấp chia tài sản chung hộ gia đình, do nguồn gốc đất của ông K và bà S2, sau đó bà S1 đã tặng cho ông T2.

- Năm 2004 bà S về làm dâu cho bà S1, đã có công đóng góp, gìn giữ trong khối tài sản này nên yêu cầu Tòa xem xét công sức đóng góp cho bà S.

- Bà S yêu cầu tiếp tục quản lý phần đất và nhà trên đất của ông T2, không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của ông T. Do hiện nay bà S không còn chỗ ở nào khác.

- Yêu cầu Tòa án đưa Văn phòng C3 vào tham gia tố tụng, lý do từ khi công chứng di chúc của bà S1 cho ông T2 đến nay các anh chị em ông T2 không có ý kiến hay phản đối gì nên cần đưa Văn Phòng C3 vào tham gia tố tụng để có ý kiến như thế nào.

* Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn. Không yêu cầu đưa Văn phòng C3 vào tham gia tố tụng.

Thống nhất diện tích theo sơ đồ đo đạc; Về chứng thư thẩm định giá số 362A/2024/CT-VAL ngày 21/6/2024 của Công ty cổ phần T4 do nguyên đơn cung cấp thì bà S không đồng ý. Bà S chỉ thống nhất giá theo giá do Hội đồng định giá ngày 16/01/2025.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn D và ông Lê Văn B có văn bản ý kiến như sau:

Nguồn gốc đất như ông T trình bày là của ông K, bà S2. Việc bà S2 làm thủ tục thừa kế và tặng cho ông T2 thì các ông không biết. Nay, ông T yêu cầu thừa kế thì ông có ý kiến nếu ông được chia theo pháp luật thì phần ông được hưởng sẽ giao cho ông T nhận. (Tòa đã thông báo cho ông nộp đơn nhưng ông không nộp đơn).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ngọc Á có văn bản ý kiến và tại biên bản lấy lời khai bà Á trình bày:

Nguồn gốc đất như ông T trình bày là của ông K, bà S2. Việc bà S2 làm thủ tục thừa kế thì không biết. Nhưng sau đó biết bà S2 làm hợp đồng tặng cho ông T2, còn lại các anh em khác không biết việc này. Tuy nhiên, khi bà S2 sang tên cho ông T2 xong thì vợ chồng ông T2 không nuôi dưỡng bà S2, và người nuôi dưỡng bà S2 là ông T đến khi bà S2 chết. Nay, ông T yêu cầu thừa kế thì bà có ý kiến nếu bà được chia theo pháp luật thì phần bà được hưởng sẽ giao cho ông T nhận ½, còn lại ½ thì bà giao cho Yến N là con của ông T2 được hưởng. (Tòa đã thông báo cho bà nộp đơn nhưng bà không nộp đơn).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh P có văn bản ý kiến và lời khai tại biên bản xem xét thẩm định như sau:

Nguồn gốc đất như ông T trình bày là của ông K, bà S2. Việc bà S2 làm thủ tục thừa kế thì không biết. Nhưng sau đó biết bà S2 làm tờ di chúc cho ông T2. Nay, ông T yêu cầu thừa kế thì ông có ý kiến nếu ông được chia theo pháp luật thì phần ông được hưởng sẽ giao cho ông T nhận. (Tòa đã thông cho ông nộp đơn nhưng ông không nộp đơn).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị N2 và Lê Thị Thanh N1 có văn bản ý kiến như sau:

Nguồn gốc đất như ông T trình bày là của ông K, bà S2. phần đất này không liên quan nên không yêu cầu và không tranh chấp trong vụ kiện này, xin vắng mặt trong các lần tòa án triệu tập giải quyết và xét xử.

* Tại Quyết định Bản án sơ thẩm số 41/2025/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh (Khu V - Đồng Tháp), tỉnh Đồng Tháp đã xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của ông Lê Minh T. Ông Lê Minh T được nhận số tiền 499.120.000 đồng. Buộc bà Hồ Thị S có trách nhiệm trả cho ông Lê Minh T số tiền 499.120.000 đồng.

- Không chấp nhận một yêu cầu chia thừa kế của ông Lê Minh T đối với số tiền 1.970.942.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu nhận hiện vật của ông Lê Minh T. Giao cho bà Hồ Thị S quản lý, sử dụng diện tích đất 119,4m^2 thuộc thửa 130 tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Có tứ cận các mốc 8, 3, 4, 7 về mốc 8 theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Đồng Tháp ngày 11/01/2024.

Giao cho bà Hồ Thị S tạm giữ số tiền của ông Lê Văn D được hưởng thừa kế là 499.120.000 đồng.

Giao cho bà Hồ Thị S tạm giữ số tiền của ông Lê Minh P được hưởng thừa kế là 499.120.000 đồng.

Giao cho bà Hồ Thị S tạm giữ số tiền của ông Lê Văn B được hưởng thừa kế là 499.120.000 đồng.

Giao cho bà Hồ Thị S tạm giữ số tiền của bà Lê Ngọc Á được hưởng thừa kế là 499.120.000 đồng.

Giao cho bà Hồ Thị S tạm giữ số tiền của Lê Thị Yến N được hưởng thừa kế là 1.015.453.000 đồng.

Bà Hồ Thị S được hưởng thừa kế số tiền 826.132.333 đồng.

Kể từ có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Bà Hồ Thị S được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh và đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án (khi bà S thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán xong số tiền cho các đương sự nêu trên) và phải chịu các khoản thu theo quy định pháp luật (nếu có) .

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc chi nhánh

VPĐK đất đai thành phố C, tỉnh Đồng Tháp ngày 11/01/2024).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và thời hạn kháng cáo, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16-18 tháng 4 năm 2025, bà Hồ Thị S, ông Lê Minh T có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm số 41/2025/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh (Khu V - Đồng Tháp), tỉnh Đồng Tháp.

1. Ông Lê Minh T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông T xác định ông T kháng cáo như sau: Ông T yêu cầu được hưởng thừa kế phần tài sản của cụ S1 là ½ di sản trong khối tài sản chung của cụ K và cụ S1 và đối với di sản của cụ K là ½ di sản trong khối tài sản chung, thì ông T yêu cầu được hưởng thừa kế 2/7 phần tài sản của cụ K mà cụ S2 được hưởng thừa kế từ cụ K và phần của ông T hưởng thừa kế từ cụ K.

2. Bà Hồ Thị S yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu chia thừa kế của ông Lê Minh T. Tiếp tục giao nhà và đất cho bà S và cháu Lê Thị Yến N tiếp tục quản lý, sử dụng.

3. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp thay đổi đối với quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh (nay là VKSND Khu vực 6 - Đồng Tháp) và đề xuất hướng giải quyết sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Minh T, chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị S, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát

viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết và xét xử vụ án đúng theo quy định Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T, bà S kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, tỉnh Đồng Tháp kháng nghị trong thời hạn luật định. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 293, 296 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông Lê Phước T2 chết ngày 22/6/2023, cụ Nguyễn Thị S1 chết 20/12/2023. Ông T2 chết trước khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án và chết trước cụ S1, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đưa ông T2 tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ S1 là không đúng quy định của pháp luật, nên cần rút kinh nghiệm.

[2] Nguồn gốc đất tranh chấp đo đạc thực tế 119,4m^2 thuộc thửa đất số 130, tờ bản đồ số 5, đất ở đô thị và căn nhà cấp 4 xây dựng năm 1987 trên thửa đất số 130 là do cụ Lê Văn K và cụ Nguyễn Thị S1 tạo lập. Cụ K và cụ S1 chung sống với nhau có 06 người con: Ông Lê Văn B, ông Lê Văn D, bà Lê Ngọc Á, ông Lê Minh P, ông Lê Minh T, ông Lê Phước T2. Ngoài ra, cụ K và cụ S1 không có con nuôi hay con riêng nào khác. Năm 1990, cụ K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2001, cụ K và cụ S1 được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở. Năm 2002, hộ cụ K được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Năm 2011, cụ K chết không để lại di chúc. Sau khi cụ K chết, cụ S1 tiến hành thủ tục thừa kế.

[4] Ngày 28/7/2011, cụ S1, ông T, ông T2 lập Văn bản phân chia tài sản thừa kế nhường quyền thừa kế cho cụ S2 được quyền thừa kế đất và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4, Văn bản phân chia tài sản thừa kế có chứng nhận của Văn phòng C1. Mặc dù, ông B, ông D, bà Á và ông P không có ký tên vào Văn bản phân chia thừa kế, nhưng các ông, bà đều biết và cũng không có tranh chấp yêu cầu chia thừa kế.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cho rằng mặc dù Văn bản phân chia tài sản thừa kế là nhượng quyền thừa kế cho cụ S1, nhưng thực tế chỉ tạm giao cho cụ S1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng ông T không có văn bản, tài liệu chứng minh là chỉ tạm giao cho cụ S1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[6] Ngày 21/9/2011, cụ S1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 130, diện tích 115,9m^2, đất ở đô thị.

[7] Ngày 29/9/2011, cụ S1 và ông T ký hợp đồng tặng cho toàn bộ thửa đất số 130 và căn nhà cho ông Lê Phước T2. Ngày 28/10/2011, ông T2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (điều chỉnh trang 4).

[8] Ngày 16/4/2013, ông T2 ký hợp đồng tặng cho toàn bộ thửa đất 130 và căn nhà lại cho cụ S2. Ngày 10/6/2013, cụ S1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

[9] Ngày 11/7/2013, cụ S2 có lập Di chúc để ông Lê Phước T2 thừa hưởng thửa đất 130 và căn nhà, bản di chúc lập tại Văn phòng C3. Tuy nhiên, đến ngày 02/6/2017 cụ S1 tiếp tục lập hợp đồng tặng cho lại thửa đất số 130 và căn nhà cho ông T2 và ông T2 đã được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất là thửa đất số 130, diện tích 115,9m^2, đất ở đô thị vào ngày 30/6/2017.

[10] Như vậy, đối với phần di sản của cụ K trong khối tài sản chung, ông T đã nhường quyền thừa kế cho cụ S1 được thừa hưởng theo Văn bản thỏa thuận phân chia thừa kế ngày 28/7/2011 và đồng thời khi còn sống cụ S1 đã tặng cho toàn bộ phần di sản của mình cho ông T2, cụ S2 không còn quyền về tài sản, nên việc ông T yêu cầu chia thừa kế là không có căn cứ.

[11] Đối với ông D, ông B, ông P, bà N3 không có đơn yêu cầu chia thừa kế, nên không xem xét. Trường hợp có tranh chấp giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[12] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Minh T, chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị S, chấp nhận việc thay đổi kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh (nay là VKSND Khu vực 6 - Đồng Tháp) là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Minh T, chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị S, sửa bản án sơ thẩm.

[14] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

[10] Do kháng cáo của ông Lê Minh T không được chấp nhận, nên ông Lê Minh T phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Bà Hồ Thị S kháng cáo được chấp nhận, nên bà S không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, Điều 308; Khoản 2, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Minh T.

- Chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị S.

- Chấp nhận việc thay đổi kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh (nay là VKSND Khu vực 6 - Đồng Tháp).

- Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, (nay là TAND Khu vực 6 - Đồng Tháp).

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông Lê Minh T.

2. Bà Hồ Thị S, chị Lê Thị Yến N được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 119,4m^2 thuộc thửa 130 tờ bản đồ số 5, đất tọa lạc tại phường C, thành phố C, (nay là phường C), tỉnh Đồng Tháp; diện tích đất trên được thể hiện từ mốc 8, 3, 4, 7 về mốc 8 theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, tỉnh Đồng Tháp ngày 11/01/2024.

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc chi nhánh VPĐK đất đai thành phố C, tỉnh Đồng Tháp ngày 11/01/2024).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Ông T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 467.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000157 ngày 11/12/2023; số tiền 18.528.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012519 ngày 02/8/2024; số tiền 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012595 ngày 29/8/2024; số tiền 300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012962 ngày 01/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh.

Ông Lê Minh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 19.295.000 đồng, tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6, tỉnh Đồng Tháp.

3.2 Bà Hồ Thị S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm:

4.1 Ông Lê Minh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm của ông Lê Minh T là 300.000 đồng theo hai biên lai thu số 0003466 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh (nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Đồng Tháp), được trừ vào tiền án phí.

4.2 Bà S không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà S 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu số 0003472 ngày 22/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - Đồng Tháp.

5. Chi phí tố tụng:

Tổng cộng là 4.650.000 đồng. Ông T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 4.650.000 đồng, ông T đã nộp tạm ứng và chi xong.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV THA Tòa án Tỉnh,
- VKSND Tỉnh;
- TAND khu vực 6 - Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Tấn Tặng